TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST Ngày: 23 - 3 - 2023 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tống Duy Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ức Trai.

2. Ông Giàng A Sủ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Cư Seo C, năm sinh 1986.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Chấu Thị C, năm sinh 1988.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn S, xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Cư Seo C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chấu Thị C tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/2008, nhưng đến ngày 20/7/2009 anh và chị C mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Q1, nay là xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, không biết vì lý do gì mà tháng 10/2016 (ngày anh không nhớ) chị C bỏ đi đâu không nói cho ai biết và đến nay không có tin tức gì. Anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị C mất tích, ngày 03/11/2022 Tòa án nhân dân huyện S đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự tuyên bố chị C mất tích. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C để đảm bảo cuộc sống riêng của anh.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Cư Văn M sinh ngày 15/5/2009 và cháu Cư Thị S sinh ngày 22/8/2011, hiện cháu M và cháu S đang sống cùng với anh. Thu nhập của anh mỗi tháng 5.000.000 đồng, còn chị C bị Tòa án tuyên bố mất tích nên anh không xác định được thu nhập của chị C. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M và cháu S cho đến khi cháu M và cháu S đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Đối với bị đơn chị Chấu Thị C: Sau khi Toà án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không tiến hành lấy lời khai của chị C được, dẫn đến không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa anh C và chị C.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Cư Văn M và cháu Cư Thị S đều trình bày: Nếu bố mẹ đẻ cháu không chung sống với nhau nữa, thì nguyện vọng của hai cháu được ở với bố, vì bố đẻ của hai cháu là người quan tâm chăm sóc cháu về mọi mặt, mẹ cháu nhiều năm nay đã đi đâu không ai biết tin tức gì.

4. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

4.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác M, thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các từ điều Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mất tích nên chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

4.2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Cư Seo C được ly hôn với chị Chấu Thị C.

- Về con chung: Giao các cháu Cư Văn M, Cư Thị S cho anh Cư Seo C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Chấu Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

4.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh C, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà; Giấy triệu tập hai lần cho từng giai đoạn tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để chị C có ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh C và phải có mặt tại trụ sở Toà án để khai về mối quan hệ hôn nhân và nuôi con khi ly hôn giữa chị C và anh C, nhưng chị C vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, xâm phạm tới quyền lợi của người khác được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị C là hợp pháp. Qua lời khai của anh C, thì cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 10/2016, chị C bỏ đi đâu không thấy về, anh C đã đi tìm ở nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của chị C. Sau đó, anh C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị C mất tích. Ngày 03/11/2022, Tòa án đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự, cụ thể: Tuyên bố chị C mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Nay tình cảm giữa anh C đối với chị C không còn, việc anh C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian anh C và chị C chung sống với nhau chỉ có hai con chung là cháu Cư Văn M và cháu Cư Thị S. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì anh C có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung bình thường, bản thân cháu M và cháu S có nguyện vọng là được ở với anh C, vì anh C là người quan tâm chăm sóc hai cháu về mọi mặt. Từ ngày chị C bỏ đi thì cháu M và cháu S ở cùng với anh C, cháu M và cháu S luôn được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt bình thường, nên anh C sẽ chăm sóc cháu M và cháu S tốt về mọi mặt. Vì vậy, việc anh C yêu cầu Toà án giải

quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M và cháu S cho đến khi cháu M và cháu S đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con: có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1,3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C.

[5] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận anh C là người đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xét đề nghị của anh C là có căn cứ, phù hợp với khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 71, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cư Seo C và chị Chấu Thị C. Quan hệ hôn nhân của anh Cư Seo C và chị Chấu Thị C được chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Cư Văn M sinh ngày 15/5/2009 và cháu Cư Thị S sinh ngày 22/8/2011 cho anh Cư Seo C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M và cháu S đủ 18 tuổi. Chị Chấu Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Cư Seo C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Nguyên đơn;
- Bị đơn - để niêm yết (3);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã Q,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tống Duy Toán

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ức Trai **Giàng A Sủ** **Tống Duy Toán**

Giải quyết yêu cầu cấp dưỡng ko được dưới ½ tháng lương tối thiểu

[5] Về quan hệ tài sản: Ngày 27/3/2017, chị Dúa đã làm đơn đề nghị Toà án cho chị Dúa được rút một phần đơn khởi kiện về quan hệ tài sản, việc rút một phần đơn khởi kiện về quan hệ tài sản của chị Dúa là hoàn toàn tự nguyện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện về quan hệ tài sản của chị Dúa đã rút trong vụ án hôn nhân gia đình. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản của chị Dúa và anh Dìn trong vụ án này **- Xem lại có đưa đoạn này vào bản án không**

Nếu xử giao con tuyên: Giao con chung cháu Sùng Văn M sinh ngày 14/7/2010 cho anh Sùng Seo Xênh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị Mỷ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.